

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Số: 23/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Thư ký phiên họp: ông Bơ Nướch Rê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thị Y Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-VDS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà A Lăng Thị D, sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn P, thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Bhnướch A, sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn P, thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

2/ Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thôn T, thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch.

Ủy quyền lại cho ông Bhnướch T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch (*theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 8 năm 2021*). (có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, người yêu cầu là bà A Lăng Thị D trình bày:

Ngày 28/02/2003, bà Dốp và ông AGur có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn P, huyện Đông Giang (trước đây là huyện Hiên), tỉnh Quảng Nam một cách tự nguyện. Thời điểm đăng ký kết hôn, bà D và ông A không biết ông, bà là những người có họ trong phạm vi ba đời và thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định khoản 3 Điều 10 Luật hôn nhân & gia đình (viết tắt là HN&GD) năm 2000. Tại khoản 13 Điều 8 Luật HN&GD 2000, giải thích: “*Những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ*

nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba”. Vì mẹ ruột ông A là bà A Lãng Thị AĐ, sinh năm: 1952 (chết) và ba ruột của bà D là ông A Lãng B, sinh năm: 1959 là chị, em ruột cùng cha, cùng mẹ *(theo bản trình bày ông A ngày 13/7/2021; đơn xác nhận của bà D ngày 02/8/2021 và công văn số 35a/UBND ngày 15/7/2021 của UBND thị trấn Pao)*. Do đó, bà D và ông A là những người có họ trong phạm vi ba đời là anh, em con cô, con cậu và là đời thứ ba. Quá trình làm việc cán bộ Tư pháp - Hộ tịch UBND thị trấn P không biết bà D và ông A có mối quan hệ như trên, vẫn tiến hành thủ tục đăng ký và UBND thị trấn đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn tại Quyển số 01, số 16 cấp ngày 28/02/2003. Việc bà D, ông A đăng ký kết hôn đã vi phạm điều kiện kết hôn theo khoản 3 Điều 9 Luật HN&GD năm 2000. Ngoài ra quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận. Ông A không coi trọng, xem thường, áp đặt và tự ý quyết định mọi vấn đề liên quan, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến nợ nần chồng chất. Vì vậy, bà D làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Giang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Bhnướch A.

Về con chung: bà D và ông A có hai con chung Bhnướch Hiếu T2, sinh ngày 16/10/2003 và Bhnướch Thị Như N, sinh ngày 19/10/2006. Bà D và ông A thỏa thuận giao hai con chung cho ông Bhnướch A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông A không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung bà D thống nhất.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: bà D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật; con chung; tài sản chung và các khoản nợ chung. Ông A vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; tuy nhiên tại bản tự trình bày ngày 13/7/2021, ông A thể hiện ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu của bà D tại đơn yêu cầu ngày 13/6/2021.

Về quan hệ hôn nhân: giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: ông A trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Bhnướch Hiếu T2, sinh ngày 16/10/2003 và Bhnướch Thị Như N, sinh ngày 19/10/2006.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ông A không yêu cầu nên bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và các khoản nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đông Giang nhận định:

[1] Thời điểm đăng ký kết hôn ngày 28/02/2003, bà D và ông A không biết bà, ông là những người có họ trong phạm vi ba đời và thuộc trường hợp cấm kết hôn quy định khoản 3 Điều 10 Luật HN&GD năm 2000. Vì vậy, việc bà D và ông A đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đông Giang vào ngày 28/02/2003 là việc kết hôn trái pháp luật vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật HN&GD năm 2000. Nay bà D yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là hoàn toàn tự

nguyện, ông A thống nhất với yêu cầu của bà Dốp và phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: bà D và ông A xác nhận có hai con chung và thống nhất tự thỏa thuận. Ông A trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Bhnướch Hiếu T2, sinh ngày 16/10/2003 và Bhnướch Thị Như N, sinh ngày 19/10/2006 thỏa thuận trên phù hợp với điều kiện, đời sống sinh hoạt và mức thu nhập của ông A, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của hai con chung muốn chung sống cùng ông A. Do đó, cần giao cháu Hiếu T2 và Như N cho ông A nuôi dưỡng, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, biết sống tự lập là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: bà D, ông A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bhnướch A vắng mặt và có đơn xin vắng mặt ngày 16/8/2021 và ông A có ý kiến tại bản trình bày ngày 13/7/2021, nên cần xem xét theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với việc đăng ký kết hôn của UBND thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam: Tại phiên họp người đại diện theo ủy quyền ông Bhnướch T1 thể hiện. Căn cứ đề nghị của công dân, UBND thị trấn P đã yêu cầu bà D, ông A nộp tờ khai ghi đầy đủ các thông tin cá nhân và các thủ tục khác quy định tại Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về quản lý Hộ tịch, nên UBND thị trấn P đã chứng nhận kết hôn cho bà D, ông A đúng quy định của pháp luật. Việc bà D, ông A khi kết hôn vi phạm điều kiện kết hôn và thuộc trường hợp cấm kết hôn quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Luật HN&GD năm 2000 và Nghị định 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật HN&GD là do bà D, ông A không khai báo mối quan hệ anh, em con cô, con cậu. Vì vậy, việc chứng nhận kết hôn của UBND thị trấn P là đúng thẩm quyền và không vi phạm về đăng ký kết hôn. Đại diện UBND thị trấn P thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu bà A Lăng Thị D.

[6] Về lệ phí: bà Dốp không phải nộp tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 và các Điều 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 13 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10 và các Điều 15, 16, 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí, án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà A Lăng Thị D.
2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà A Lăng Thị D và ông Bhnướch A theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 ngày 28/02/2003 của UBND thị trấn P, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

3. Về con chung: ông A trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Bhnướch Hiếu T2, sinh ngày 16/10/2003 và Bhnướch Thị Như N, sinh ngày 19/10/2006 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, biết sống tự lập. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con, bà D và ông A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: bà D, ông A tự thỏa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Lệ phí dân sự sơ thẩm: bà D không phải nộp tiền lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp cho Chi cục THADS huyện Đông Giang theo biên lai thu số 007901 ngày 12/7/2021.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng nam có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H. Đông Giang;
- Chi cục THADS H. Đông Giang;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu HS việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Kim Oanh